

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 27-9-2019.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Hồ Văn Dũng

Bà: Chế Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:
Ông Chau PhoLy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Yên N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 9, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 74, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 02-8-2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yên N trình bày: Vào năm 2016 chị và anh Đỗ Văn Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn. Quá trình chung sống chị và anh có với nhau 01 con chung tên Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 06-12-2018 anh chị hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng hơn bắt đầu từ đầu năm 2019 đến nay nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã Nều lần hàn gắn, nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Văn Đ.

Về con chung: 01 con chung tên Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06-12-2018 và, hiện đang sống cùng chị xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Văn Đ: Thừa nhận tình trạng hôn nhân như chin N trình bày, anh và chị N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2018, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến N

Về con chung: 01 con chung tên Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06-12-2018 và, hiện đang sống cùng chị N, anh Đ xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Yến N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Văn Đ; về con chung: chị N xin được nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Yến N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn Đ: Không đồng ý ly hôn; xin được nuôi dưỡng con chung, không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Ngày 15-3-2016 chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2019 thì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, mặc dù đã Nều lần hàn gắn nhưng không được và đã ly thân cho đến nay. Nay nhậ thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn với anh Đ nhưng anh Đ không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn không lớn muốn hàn gắn lại. Căn cứ biên bản hòa giải và lời khai chị N nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ không thể hàn gắn lại, ngày càng trầm trọng mặc khác tại phiên tòa chị N vẫn cương quyết ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06-12-2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Như dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ nuôi là phù hợp và chị N không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy chị N cương quyết xin ly hôn với anh Đ vì chị N không còn tình cảm với anh Đ nên chấp nhận việc xin ly hôn của chị N.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đỗ Văn Đ cư trú tại ấp V, xã G, huyện T, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Yến N và anh Đỗ Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng, chị Nguyễn Thị Yến N và anh Đỗ Văn Đ sau khi kết hôn do anh Đ đi làm xa nhà nên chị N về sống tại nhà mẹ và thỉnh thoảng vợ chồng chị về nhà mẹ anh Đ chơi và ở lại vài ngày, cuộc sống vợ chồng anh chị có với nhau 01 con chung tên Đỗ Thị Yến N, hiện đang sống cùng chị N. Tại phiên tòa chị N cho rằng do anh Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, tính tình cộc cằn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù chị đã nhiều lần hàn gắn, trong thời gian ly thân chị đã nhiều lần cho anh Đ cơ hội để hàn gắn, nhưng mỗi lần chị và anh Đ ngồi lại với nhau nói chuyện là cãi nhau, nên chị và anh Đ không thể hàn gắn lại được, giữa anh và chị đã ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng anh Đ, chị xin được ly hôn với anh Đỗ Văn Đ. Tại phiên tòa anh Đ thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N có cãi vã, có bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, nhưng anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị không lớn, nên anh không đồng ý ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 27-8-2019 tại ban ấp V, xã G cho biết chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chị N và anh Đ về sống nhà chị N và một tuần anh chị về nhà anh Đ một lần và có ở lại qua đêm, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn hay không ban ấp không biết. Chị N và anh Đ có 01 con chung tên Đỗ Thị Yến N, sinh năm 2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết

cuộc sống gia đình, tuy nhiên giữa chị N và anh Đ không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa anh và chị không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Yến N về việc yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06-12-2018, anh Đ và chị N đều xin nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Như, sinh ngày 06-12-2018 đến thời điểm xét xử cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*”, đối chiếu quy định của pháp luật đến thời điểm xét xử ngày 27-9-2019 cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, hơn nữa do cháu N còn quá nhỏ, vẫn rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện của cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06-12-2018 cho chị Nguyễn Thị Yến N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Yến N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Đỗ Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung:

Giao cháu Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06-12-2018 cho chị Nguyễn Thị Yến N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0012114 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan